

Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/12

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 19.09.2023
Sản phẩm: **Citronellal**

Phiên bản: 3.0

(30035052/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Tên sản phẩm:
Citronellal

Sử dụng: Hóa chất, Chemical for detergents, Cosmetic and oral care chemical, flavoring substance

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 3824 3833
Số fax: +84 28 3824 3832
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)
Số fax: +84 28 3824 3832
International emergency number:
Điện thoại: +49 180 2273-112

2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:
Chất lỏng dễ cháy: Cat.4
Độ độc cấp tính: Cat.5 (tiếp xúc miệng)
Độ độc cấp tính: Cat.5 (trên da)
Ăn da/ kích ứng da: Cat.2
Thương tổn mắt/ kích ứng mắt nghiêm trọng: Cat.2A
Chất gây dị ứng da: Cat.1B
Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh: Cat.2

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 19.09.2023
 Sản phẩm: **Citronellal**

Phiên bản: 3.0

(30035052/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Hình đồ cảnh báo:



Cảnh báo:
 Cảnh báo

Cảnh báo nguy cơ:

H227	Chất lỏng cháy được.
H319	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H315	Gây kích ứng da.
H317	Có thể gây phản ứng dị ứng da.
	Có thể có hại nếu nuốt phải hoặc tiếp xúc với da
H401	Độc đối với sinh vật thủy sinh.

Biện pháp phòng ngừa:

P280	Đeo găng tay bảo vệ và bảo vệ mắt/ mặt. Tránh hít phải sương hoặc hơi hoặc bụi nước
P280	Mang dụng cụ bảo vệ mắt.
P273	Tránh thải vào môi trường.
P210	Tránh xa nhiệt/tia lửa/ngọn lửa hở/các bề mặt nóng. – Không hút thuốc.
P272	Áo quần làm việc bị nhiễm bẩn hóa chất không được phép mang ra khỏi khu vực làm việc.
P264	Rửa kỹ với nhiều nước và xả phòng sau khi sử dụng.

Lưu ý khi tiếp xúc:

P305+P351+P338	NẾU VẮNG VÀO MẮT: Rửa sạch cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính sát trùng, nếu có và thực hiện nhẹ nhàng. Tiếp tục rửa sạch.
P302+P352	NẾU DÍNH TRÊN DA: Rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.
P333+P313	Nếu kích ứng da kéo dài hoặc bị phát ban: Yêu cầu trợ giúp y tế
P301+P312	KHI NUỐT PHẢI: Liên hệ với Trung Tâm Chết Độc hay bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe. NẾU TRÊN DA: Gọi cho TRUNG TÂM SƠ CẤP CỨU hoặc bác sĩ / bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.
P332+P313	Nếu kích ứng da xuất hiện: Yêu cầu trợ giúp y tế
P362 + P364	Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng lại.
P337+P313	Nếu kích ứng mắt kéo dài: Yêu cầu trợ giúp y tế
P370 + P378	Trong trường hợp cháy: Sử dụng bột, bọt foam hay CO2 chữa cháy để dập tắt.

Lưu ý khi bảo quản:

P403	Cất trữ ở nơi được thông thoáng tốt.
------	--------------------------------------

Lưu ý khi thải bỏ:

P501	Thải bỏ hóa chất bên trong/thùng chứa đến điểm thu gom chất thải nguy hại hay đặc biệt.
------	---

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Khi được phân phối ở vật liệu có tính chất xốp, sự tự bốc cháy sẽ có thể xảy ra

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 19.09.2023
Sản phẩm: **Citronellal**

Phiên bản: 3.0

(30035052/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

3. Thông tin về thành phần các chất

Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: Chất

citronellal

Số CAS: 106-23-0

Thành phần nguy hại

citronellal

Hàm lượng (W/W): $\geq 75\%$ - $\leq 100\%$
Số CAS: 106-23-0

Flam. Liq.: Cat. 4
Acute Tox.: Cat. 5 (tiếp xúc miệng)
Acute Tox.: Cat. 5 (trên da)
Skin Corr./Irrit.: Cat. 2
Eye Dam./Irrit.: Cat. 2A
Skin Sens.: Cat. 1B
Aquatic Acute: Cat. 2

4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:
Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

Nếu hít phải:
Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành, gọi bác sĩ.

Khi tiếp xúc với da:
Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

Khi tiếp xúc với mắt:
Rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to, tư vấn với chuyên gia mắt

Khi nuốt phải:
Ngay lập tức súc miệng và sau đó uống 200-300 ml nước, gọi bác sĩ.

Lưu ý cho bác sĩ:
Triệu chứng: Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11., Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến
Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc trưng.

5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 19.09.2023
Sản phẩm: **Citronellal**

Phiên bản: 3.0

(30035052/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

cacbon dioxide, bột, bột khô

Những phương tiện chữa cháy không phù hợp vì lý do an toàn:
nước

Những mối nguy hiểm cụ thể:
các oxit cacbon, những chất dạng hơi có hại
Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy. Chất lỏng dễ cháy

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:
Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập và áo quần bảo hộ chống hóa chất.

Thông tin bổ sung:
Thu gom nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất riêng biệt, không được đến gần các hệ thống cống rãnh hay nước thải. Loại bỏ những mảnh vụn cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất theo các quy định chính thức. Làm mát các thùng nguy hiểm bằng cách phun nước.

6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:

Sử dụng quần áo bảo hộ lao động. Thông tin về phương thức bảo vệ cá nhân xem chương 8. Đảm bảo hệ thống thông thoáng đầy đủ. Không hít thở hơi/bụi nước. Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần.

Cảnh báo môi trường:

Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:

Cho lượng nhỏ: Thu gom bằng vật liệu thấm hút phù hợp. Không sử dụng mặt cưa hay các chất dễ cháy khác như là chất hấp thụ khi thu dọn.

Cho lượng lớn: Rãnh chống tràn đổ. Bao phủ bằng lớp bột foam (rượu - chống foam). Bơm hút sản phẩm.

Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định. Thu dọn hóa chất tràn đổ bằng vật liệu hấp thụ khó cháy (ví dụ: đất khoáng) Vải bẩn/ giẻ lau/ các chất hấp thụ có khả năng tự cháy phải được nhúng ướt bằng nước và được thải bỏ an toàn theo quy định pháp luật.

Thông tin bổ sung: Khi được phân phối ở vật liệu có tính chất xốp, sự tự bốc cháy sẽ có thể xảy ra Vải bẩn/giẻ lau làm bằng sợi tự nhiên (ví dụ: len nguyên chất hoặc bông nguyên chất) có khả năng bắt lửa và không được sử dụng và/hoặc phải được xử dụng và/hoặc phải được xử lý theo biện pháp an toàn.

7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Phải bảo đảm thông thoáng hoàn toàn ở khu vực lưu trữ và làm việc. Mặc quần áo bảo hộ lao động và đeo thiết bị bảo vệ mắt/ mặt phù hợp. Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần. Giữ thùng chứa thật kín. Sản phẩm có thể gây các triệu chứng kích ứng; nên rửa tay sau khi tiếp xúc.

Phòng chống cháy nổ:

Nguy cơ tự bắt cháy khi một khu vực diện tích bề mặt rộng được hình thành do sự phân tán mịn. Vải bẩn/ giẻ lau/ các chất hấp thụ có khả năng tự cháy phải được nhúng ướt bằng nước và được thải bỏ

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 19.09.2023
Sản phẩm: **Citronellal**

Phiên bản: 3.0

(30035052/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

an toàn theo quy định pháp luật. Tránh các nguồn phát sinh tia lửa điện: nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở.
Lưu ý biện pháp phòng ngừa mạch tĩnh điện.

Hướng dẫn bảo quản

Nhạy mùi: Cách ly với các chất phát sinh mùi.

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Bảo quản vật chứa kín và khô; cất trữ nơi thoáng mát. Bảo vệ khỏi nhiệt.

8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

Không có giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp cụ thể được biết đến.

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:

Thiết bị bảo vệ hô hấp thích hợp trong điều kiện nồng độ cao hơn hoặc tác động lâu dài: Bộ lọc khí dành cho khí/ hơi của các hợp chất hữu cơ (điểm sôi >65 °C, vd EN 14387 Loại A)

Bảo vệ tay:

Găng tay chống hóa chất thích hợp (EN ISO 374-1) cũng với quá trình tiếp xúc lâu dài và trực tiếp (Đề nghị: Chỉ số bảo vệ 6, tương ứng > 480 phút thời gian thẩm thấu theo EN ISO 374-1) : Vd. cao su nitrile (0.4 mm), cao su chloroprene (0.5 mm), cao su butyl (0.7 mm) v

Lưu ý bổ sung: Các thông số dựa trên thí nghiệm, dữ liệu lý thuyết và thông tin của nhà sản xuất găng tay hay có nguồn gốc từ những chất tương tự theo phép loại suy. Tùy thuộc vào nhiều điều kiện khác nhau (như nhiệt độ), trên thực tế việc sử dụng các găng tay chống hoá chất có thể ngắn hơn nhiều so với thời gian thẩm thấu được xác định qua các thí nghiệm
Nên tuân thủ những hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất do sự đa dạng về chủng loại.

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chấn bảo vệ các cạnh (kính gọng) (vd. EN 166)

Bảo vệ toàn thân:

Bảo vệ cơ thể được chọn dựa vào hoạt động và khả năng phơi nhiễm, ví dụ tạp dề, ủng bảo vệ, quần áo chống hoá chất (theo EN 14605 trong trường hợp hoá chất văng hoặc EN ISO 13982 trong trường hợp bụi).

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Đề nghị mặc trang phục phù hợp khi làm việc
Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần. Không ăn, uống, hút hay sử dụng thuốc lá ở nơi làm việc.
Nên rửa sạch tay và/ hay mặt trước khi nghỉ ngơi và vào cuối ca. Cất trữ riêng biệt áo quần làm việc.

9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng:	chất lỏng
Màu sắc:	không màu đến hơi vàng
Mùi:	Mùi trái cây
Ngưỡng mùi:	< 100 ppm

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 19.09.2023
 Sản phẩm: **Citronellal**

Phiên bản: 3.0

(30035052/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Giá trị pH:	tương đương 7	
Điểm nóng chảy:	< -20 °C (1,013 hPa)	
Điểm sôi:	206.9 °C (1,013 hPa) Dữ liệu tài liệu.	
Điểm chớp cháy:	74 °C Dữ liệu tài liệu.	(cốc kín)
Tốc độ bay hơi:	Giá trị gần đúng theo Định luật Henry hoặc theo áp suất hơi.	
Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	Chất lỏng cháy được.	(được bắt nguồn từ điểm chớp cháy)
Giới hạn nổ dưới (LEL):	Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn., Giới hạn nổ dưới có thể thấp hơn từ 5 - 15 °C so với độ chớp cháy.	
Giới hạn nổ trên (UEL):	Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn.	
Nhiệt độ tự cháy:	202 °C	(DIN 51794)
Phân huỷ do nhiệt:	>= 190 °C	(DDK (DIN 51007))
Tự bắt cháy:	Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó, sản phẩm không được phân loại là tự cháy.	Loại thí nghiệm: Tự bốc cháy ở nhiệt độ phòng
SADT:	Hoá chất không phải chất có khả năng tự phân huỷ theo các qui định về vận chuyển của Liên Hiệp Quốc UN nhóm 4.1	
Nguy cơ nổ:	Dựa trên cấu trúc hóa học không có biểu hiện cho thấy có các thuộc tính nổ.	
Những đặc tính làm tăng cháy:	Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó sản phẩm không được phân loại là oxy hóa.	
Áp suất hơi:	0.16 hPa (20 °C) động lực 1.73 hPa (50 °C) động lực	(OECD-Hướng dẫn 104) (OECD-Hướng dẫn 104)
Tỷ trọng:	0.85 g/cm ³ (20 °C)	
Tỷ trọng tương đối:	0.86 (20 °C)	
Tỷ trọng hơi (không khí):	5.31 (20 °C) Nặng hơn không khí.	(được tính toán)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 19.09.2023
 Sản phẩm: **Citronellal**

Phiên bản: 3.0

(30035052/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Tính tan trong nước:

88 mg/l
 (25 °C)

Độ hoà tan (định tính) (các) dung môi: các dung môi hữu cơ
 hoà tan

Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow): 3.62 (Chỉ thị 92/69/EEC, A.8)
 (25 °C)

Hấp thụ/nước - đất: KOC: 147.7; biểu đồ KOC: 2.169 (được tính toán)

Sức căng bề mặt:

Dựa trên cấu trúc hóa học, không có
 khả năng có bề mặt hoạt tính.

Tính nhớt, động lực:

1.48 mPa.s
 (20 °C)

0.52 mPa.s
 (100 °C)

Tính nhớt, động học:

1.82 mm²/s
 (20 °C)

1.33 mm²/s
 (40 °C)

(OECD 114)

Khối lượng mol:

154.25 g/mol

10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:

Tránh các nguồn phát sinh tia lửa điện: nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở. Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Phân huỷ do nhiệt:

≥ 190 °C (DDK (DIN 51007))

Những chất cần tránh:

các axit, các chất bazơ

Sự ăn mòn kim loại:

Không dự đoán ăn mòn kim loại.

Những phản ứng nguy hiểm:

Có thể tự bốc cháy khi phân bố đều trên các bề mặt dễ cháy khi có hiện diện không khí.

Các sản phẩm phân huỷ nguy hại:

Không có các sản phẩm phân huỷ nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Tính ổn định hóa học:

Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Khả năng phản ứng:

Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

11. Thông tin về độc tính

Các đường tiếp xúc

Độ độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:
LD50chuột (miệng): 2,423 mg/kg (Thí nghiệm BASF)

Độ độc cấp tính trên da

LD50 thỏ (da): > 2,500 - < 5,000 mg/kg

Đánh giá độ độc cấp tính

độc tính thấp sau 1 lần ăn vào. độc tính thấp sau khi tiếp xúc với da trong thời gian ngắn.

Triệu chứng

Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11. Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:
Tiếp xúc da gây kích ứng. Tiếp xúc với mắt gây kích ứng.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:
Ăn mòn/Kích ứng da thỏ: Gây kích ứng. (Thí nghiệm BASF)

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thỏ: Gây kích ứng. (Thí nghiệm BASF)

Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:
Là nguyên nhân gây mẫn cảm da trong nghiên cứu động vật.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:
Thí nghiệm tăng tối đa trên chuột lang chuột lang: làm mẫn cảm da

Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:
Chất không gây đột biến trên vi khuẩn. Chất không gây đột biến trên tế bào động vật có vú.

Chất gây ung thư

Đánh giá khả năng gây ung thư:
Các kết quả nghiên cứu lâu dài về tác động gây ung thư cho thấy bản thân hóa chất không phải là chất gây ung thư. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Độc đối với sinh sản

Đánh giá độ độc đến sinh sản:

Những kết quả nghiên cứu trên động vật không cho thấy tác dụng giảm khả năng sinh sản. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Độc tính gia tăng

Đánh giá vấn đề quái thai:

Những nghiên cứu trên động vật đã không biểu thị tác dụng gia tăng độc tính với mỗi liều không độc cho động vật bố mẹ. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Độ độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)

Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp.

Độ độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Tiếp xúc kéo dài có thể gây ra quá trình thoái hóa dễ cháy trong bộ máy hô hấp của chuột gây ra những kích ứng ở thực quản và đường tiêu hóa Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Nguy cơ khi hít vào

Không nhận thấy nguy cơ khi hít phải.

12. Thông tin về sinh thái

Độc sinh thái

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:

Độc cấp tính cho thủy sinh vật. Sự kìm hãm quá trình phân huỷ của bùn hoạt tính không thể đoán trước khi cho vào nhà máy xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học ở nồng độ thấp.

Độc với loài cá:

LC50 (96 h) tương đương 22 mg/l, *Leuciscus idus* (DIN 38412 Phần 15, tĩnh điện)

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

Loài không xương sống thủy sinh:

EC50 (48 h) 8.7 mg/l, *Daphnia magna* (Chỉ thị 79/831/EEC, tĩnh điện)

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ. Sản phẩm có tính hòa tan thấp trong môi trường thí nghiệm. Dung dịch được pha chế với các chất làm hòa tan được tiến hành thí nghiệm.

Thực vật thủy sinh:

EC50 (72 h) 13.33 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), *Scenedesmus subspicatus* (DIN 38412 Phần 9, tĩnh điện)

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

EC20 (0.5 h) tương đương 400 mg/l, bùn hoạt tính, nước thải sinh hoạt (Hướng dẫn OECD 209, tĩnh điện)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 19.09.2023
Sản phẩm: **Citronellal**

Phiên bản: 3.0

(30035052/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

Độc mãn tính cho loài cá:

Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.

Độc mãn tính cho loài không xương sống thủy sinh:

Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.

Đánh giá độ độc với động vật trên cạn:

Không có sẵn các dữ liệu.

Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.

Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Chất sẽ từ từ bay hơi vào trong không khí từ mặt nước.

Không có khả năng hấp thụ trong đất dạng rắn.

Tính bền và tính biến chất

Thông tin bị đào thải:

83 % Sự hình thành CO₂ có liên quan đến chỉ số lý thuyết (28 d) (OECD 301B; ISO 9439; 92/69/EWG, C.4-C) (hiếu khí, bền hoạt tính, sinh hoạt, không được thích ứng)

Đánh giá tính ổn định trong nước:

Chất dễ dàng phân huỷ sinh học, vì vậy sự thủy phân không được dự kiến sẽ có liên quan.

Khả năng tích lũy sinh học

Đánh giá khả năng phân huỷ sinh học:

Không có khả năng tích lũy đáng kể trong sinh khối.

Sản phẩm không được thí nghiệm. Công bố dựa trên cấu trúc của sản phẩm.

Khả năng tích lũy sinh học:

Yếu tố nồng độ sinh học: 113.6 (được tính toán)

Sản phẩm không được thí nghiệm. Công bố dựa trên cấu trúc của sản phẩm.

13. Thông tin về thải bỏ

Tuân theo các yêu cầu pháp luật quốc gia và địa phương.

14. Thông tin khi vận chuyển

Vận chuyển nội địa:

	Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải
Số UN hoặc số ID	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi	Không áp dụng

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 19.09.2023
 Sản phẩm: **Citronellal**

Phiên bản: 3.0

(30035052/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

trường:
 Phòng ngừa đặc biệt cho Chưa có thông tin
 người dùng

Vận tải đường thủy

IMDG

Không được phân loại như là hàng hoá nguy
 hiểm theo những qui định vận tải

Số UN hoặc số ID: Không áp dụng

Tên vận chuyển thích Không áp dụng
 hợp của Liên Hợp

Quốc:

Lớp nguy hiểm trong Không áp dụng
 vận chuyển:

Nhóm đóng gói: Không áp dụng

Mối nguy hiểm về môi Không áp dụng
 trường: Ô nhiễm hàng hải:
 không

Phòng ngừa đặc biệt Chưa có thông tin
 cho người dùng

Sea transport

IMDG

Not classified as a dangerous good under
 transport regulations

UN number or ID Not applicable
 number:

UN proper shipping Not applicable
 name:

Transport hazard Not applicable
 class(es):

Packing group: Not applicable

Environmental hazards: Not applicable
 Marine pollutant:
 no

Special precautions for None known
 user

Vận tải hàng không

IATA/ICAO

Không được phân loại như là hàng hoá nguy
 hiểm theo những qui định vận tải

Số UN hoặc số ID: Không áp dụng

Tên vận chuyển thích Không áp dụng
 hợp của Liên Hợp

Quốc:

Lớp nguy hiểm trong Không áp dụng
 vận chuyển:

Nhóm đóng gói: Không áp dụng

Mối nguy hiểm về môi Không áp dụng
 trường:

Phòng ngừa đặc biệt Chưa có thông tin
 cho người dùng

Air transport

IATA/ICAO

Not classified as a dangerous good under
 transport regulations

UN number or ID Not applicable
 number:

UN proper shipping Not applicable
 name:

Transport hazard Not applicable
 class(es):

Packing group: Not applicable

Environmental hazards: Not applicable

Special precautions for None known
 user

15. Thông tin về pháp luật

Những quy định khác

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn
 hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- Luật hóa chất.

- Nghị định 113/2017/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất
 và các thông tư hướng dẫn liên quan, cũng như các quy định thay thế (nếu có). - Nghị định

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 19.09.2023
Sản phẩm: **Citronellal**

Phiên bản: 3.0

(30035052/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

42/2020/NĐ-CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.

- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Khi có bất cứ văn bản pháp luật mới thay thế, chúng tôi sẽ tự động kiểm và cập nhật các thông tin, dữ liệu của phiếu An toàn hóa chất này.

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Bất cứ những ứng dụng dự kiến khác nên thảo luận với nhà sản xuất. Phải tuân thủ nghiêm các biện pháp bảo vệ an toàn nghề nghiệp được khuyến cáo.

Những hàng thẳng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.